

Bản án số: 1695/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12-12-2019

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên.

2. Ông Phan Minh Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 12/12/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1291/2019/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 9 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1291/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1291/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 26/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 246/55/1 đường N, Phường 4, quận G, Thành phố H (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành Q, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 246/55/1 đường N, Phường 4, quận G, Thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bà D trình bày:

Bà và ông Q kết hôn vào ngày 08/3/2010, đăng ký kết hôn tại UBND Phường 01, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Hạnh phúc gia đình đến tháng 7 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Q ngoại tình nhưng bà không bắt gặp, bà có cho ông Q cơ hội tuy nhiên ông Q không sửa đổi, đến ngày 18/8/2019

bà bắt gặp ông Q trong khách sạn với người phụ nữ khác. Hiện tại cả hai đã sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Do bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà xin ly hôn với ông Q để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thành Gia B sinh ngày 08/5/2011, Nguyễn Thành Minh Th sinh ngày 27/2/2015. Bà D yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà D yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 20.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Thành Q trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà D về việc kết hôn, con chung, tài sản chung cũng như nợ chung. Nay bà D làm đơn xin ly hôn ông không đồng ý. Lý do mâu thuẫn phát sinh từ khi mua nhà mới vào năm 2015, trong thời điểm đó giữa bà D và ông Thái Dương Khang có gọi điện qua lại, bà D chăm sóc hai con không tốt, ngoài ra bà D không tôn trọng ông lấy ông làm chủ đề đùa cợt. Ông không đồng ý ly hôn vì ông còn thương bà D.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông Q. Về con chung: Giao cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 20.000.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Yêu cầu xin ly hôn của bà D đối với ông Q là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về người tham gia tố tụng:

Bà D có đơn xin xét xử vắng mặt

Ông Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D ông Q là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số 01/2010 do UBND Phường 01, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Q, bà D ngày 08/3/2010 đã xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà D là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Bà D yêu cầu được ly hôn với ông Q vì cho rằng do ông Q ngoại tình nhưng bà không bắt gặp, bà có cho ông Q cơ hội tuy nhiên ông Q không sửa đổi, đến ngày 18/8/2019 bà bắt gặp ông Q trong khách sạn với người phụ nữ khác, hiện cả hai đã sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay.

Tại buổi hòa giải bà D vẫn cương quyết xin ly hôn và xuất trình những hình ảnh, đoạn phim thể hiện ông Q có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Hành vi của ông Q thể hiện ông Q đã vi phạm những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình được quy định tại Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông Q trình bày lý do mâu thuẫn phát sinh từ khi mua nhà mới vào năm 2015, trong thời điểm đó giữa bà D và ông Thái Dương Khang có gọi điện qua lại, bà D chăm sóc hai con không tốt, ngoài ra bà D không tôn trọng ông lấy ông làm chủ đề đùa cợt.

Xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc, bền vững, là sự nỗ lực phấn đấu, xây dựng của cả hai bên vợ chồng. Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Nhưng giữa bà D và ông Q đã không còn sống chung với nhau. Nay bà D kiên quyết xin ly hôn cho thấy hôn nhân giữa bà D và ông Q đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà D yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Q là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

Về con chung:

Bà D yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà D yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 20.000.000 đồng. Xét thấy việc giao con cho ai nuôi là căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Ông Q không đến Tòa án, cũng không có ý kiến gì về con chung. Hiện nay bà D đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ B, trẻ Th, trẻ B có bản tự khai trình bày nguyện vọng muốn ở với bà D. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong việc chăm sóc, giáo dục con, Hội đồng xét xử nghĩ chấp nhận yêu cầu của bà D giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng bà D yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy tại bản tự khai ông Q trình bày hiện ông đang làm trưởng phòng quản lý dự án ở công ty IT Hitachi Consulty – Global CyberSoft với mức thu nhập

48.000.000 đồng/tháng. Do đó yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 20.000.000 đồng của bà D là hoàn toàn trong khả năng của ông Q nên yêu cầu này được chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà D khai tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà D khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

Án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng bà D chịu.

Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng ông Q chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/1/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ D đối với ông Nguyễn Thành Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà D được ly hôn với ông Q (Giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số 01/2010 do UBND Phường 01, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Q, bà D ngày 08/3/2010 không còn giá trị).

- Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Thành Gia B sinh ngày 08/5/2011, Nguyễn Thành Minh Th sinh ngày 27/2/2015 cho bà D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 20.000.000 đồng.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Q. Trên cơ sở lợi ích của con chung, khi cần thiết ông Q, bà D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà D khai tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà D khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng bà D chịu, được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0001704 ngày 27/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà D đã nộp đủ án phí.

Ông Q phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- CCTHADS Q.Gò Vấp;
- UBND Phường 01, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh,
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Đình Tiến

